

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

Hà Nội, tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	14 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 kèm theo và đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Wang Wei Ya	Chủ tịch	
Ông Hoàng Xuân Hùng	Phó Chủ tịch	
Ông Li You Mu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Đã	Thành viên độc lập	Đến ngày 12/6/2024
Bà Lê Thị Thanh Huyền	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 12/6/2024

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Hoàng Xuân Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Bảo Ngọc	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Minh	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Khôi	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên
Bà Trần Thị Nhung	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Wang Wei Ya – Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong giai đoạn này và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán tại Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 30/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

Số: 813/2024/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 13/8/2024, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Số tiền mặt tồn quỹ trung bình trong 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty là khoảng 121 tỷ đồng, số tiền mặt này được Công ty nộp vào tài khoản ngân hàng hoặc tiền gửi có kỳ hạn vào thời điểm cuối mỗi quý và được rút về nhập quỹ tiền mặt vào các ngày đầu quý sau. Chúng tôi không nhận được các giải trình hợp lý về việc duy trì số dư quỹ tiền mặt lớn nêu trên. Theo đó chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty.

Tại ngày 30/06/2024, khoản mục tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty là khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần các Công ty chưa niêm yết với giá trị 32,4 tỷ đồng (tại ngày 01/01/2024 là 32,4 tỷ đồng) bao gồm: khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Galaxy Việt Nam là 18,2 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Công nghệ Noah là 14,2 tỷ đồng). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp để xác định giá trị hợp lý khoản đầu tư trên. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được giá trị hợp lý của khoản mục này cũng như ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác và Công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần vào ngày 08/08/2023.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty cũng được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán này và đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 28/03/2024 liên quan đến các nội dung gồm:

- Kiểm toán viên không nhận được các giải trình hợp lý về việc duy trì số dư quỹ tiền mặt trung bình lớn được Công ty nộp vào tài khoản ngân hàng để ký hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn vào thời điểm cuối mỗi quý và được rút khỏi tài khoản ngân hàng nhập quỹ tiền mặt vào các ngày đầu quý sau.
- Không đánh giá được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Galaxy Việt Nam với giá trị là 18,2 tỷ đồng và Công ty Cổ phần Công nghệ Noah với giá trị vốn góp là 14,2 tỷ đồng.

Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024, như mô tả tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ” trên đây.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:

0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.562.319.053	173.648.813.740
TÀI SẢN TÀI CHÍNH	110		164.705.848.854	172.499.462.782
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	103.900.269.983	135.261.295.484
Tiền	111.1		26.900.269.983	2.261.295.484
Các khoản tương đương tiền	111.2		77.000.000.000	133.000.000.000
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	7	24.852.912.053	-
Các khoản cho vay	114	8	3.500.612.691	2.046.887.848
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	115	7	32.400.000.000	32.400.000.000
Các khoản phải thu	117	9	18.254.127	17.664.633
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		18.254.127	17.664.633
Trả trước cho người bán	118	9	33.800.000	85.800.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	9	-	2.687.814.817
TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	130		1.856.470.199	1.149.350.958
Tạm ứng	131		15.359.300	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	10	1.841.110.899	1.149.350.958
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.076.378.552	7.925.646.126
Tài sản cố định	220		2.419.001.463	2.798.927.008
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.335.925.546	1.541.292.341
- Nguyên giá	222		6.446.184.575	6.446.184.575
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(5.110.259.029)	(4.904.892.234)
Tài sản cố định vô hình	227	13	1.083.075.917	1.257.634.667
- Nguyên giá	228		3.681.773.000	3.681.773.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2.598.697.083)	(2.424.138.333)
Tài sản dài hạn khác	250		4.657.377.089	5.126.719.118
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	11	1.053.525.400	1.029.525.400
Chi phí trả trước dài hạn	252	10	1.523.879.404	2.059.110.593
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	14	2.079.972.285	2.038.083.125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		173.638.697.605	181.574.459.866

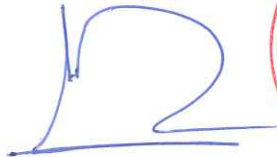
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.472.120.875	1.044.331.311
Nợ phải trả ngắn hạn	310		1.472.120.875	1.044.331.311
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	15	66.621.323	33.172.113
Phải trả người bán ngắn hạn	320	18	99.567.721	74.923.125
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	16	70.000.000	70.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	19	374.348.113	98.959.040
Phải trả người lao động	323		492.021.694	409.423.009
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	17	363.500.000	351.792.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		6.062.024	6.062.024
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		172.166.576.730	180.530.128.555
Vốn chủ sở hữu	410	20	172.166.576.730	180.530.128.555
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	41i		168.000.000.000	168.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		168.000.000.000	168.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		168.000.000.000	168.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	417		4.166.576.730	12.530.128.555
Lợi nhuận đã thực hiện	417.1		4.313.664.677	12.530.128.555
Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(147.087.947)	-
TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		173.638.697.605	181.574.459.866



Nguyễn Thị Thái Hà
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành	006		16.800.000	16.800.000
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	21	24.189.773.600	-
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	22	32.400.000.000	32.400.000.000
TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	23	433.279.620.000	393.624.890.000
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		427.823.010.000	391.153.640.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		5.456.610.000	2.471.250.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	24	67.882.600.000	67.882.600.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		67.882.600.000	67.882.600.000
Tiền gửi của khách hàng	026	25	18.816.454.745	21.523.986.925
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		18.816.454.745	21.523.986.925
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	26	18.816.438.785	21.523.986.925
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		17.796.609.432	20.135.252.817
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		1.019.829.353	1.388.734.108
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035		15.960	-

Nguyễn Thị Thái Hà

Nguyễn Thị Thái Hà
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Minh

Nguyễn Thanh Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu hoạt động				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		-	5.184.578.435
<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1		-	12.733.066
<i>Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.2		-	5.171.680.569
<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	27	-	164.800
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	27	5.428.767	(26.109.589)
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	27	181.448.778	404.282.785
Doanh thu môi giới chứng khoán	06		1.162.345.089	963.855.068
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		56.510.216	63.214.817
Thu nhập hoạt động khác	11		6.099.971	18.731.231
Cộng doanh thu hoạt động	20		1.411.832.821	6.608.552.747
Chi phí hoạt động				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		147.747.947	3.035.299.428
<i>Lỗ bán các tài sản tài chính</i>	21.1	35	-	1.409.656.762
<i>Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2		147.087.947	1.625.642.666
<i>Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.3		660.000	-
Chi phí hoạt động tự doanh	26		202.065.000	212.065.000
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	28	2.206.563.877	2.284.939.112
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	29		122.400.000	122.400.000
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	28	84.686.176	91.366.846
Cộng chi phí hoạt động	40		2.763.463.000	5.746.070.386
Doanh thu hoạt động tài chính				
Doanh thu, chi thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định phát sinh trong năm	42	29	1.857.554	3.013.370
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		1.857.554	3.013.370
Chi phí tài chính				
Cộng chi phí tài chính	60		-	-
Chi phí bán hàng	61		-	-
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	62	30	6.329.971.932	6.923.094.187
Kết quả hoạt động	70		(7.679.744.557)	(6.057.598.456)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Thu nhập khác và chi phí khác				4
Thu nhập khác	71		-	698.331.061
Chi phí khác	72		683.807.268	(698.331.057)
Cộng kết quả hoạt động khác	80		(683.807.268)	(6.755.929.513)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	90		(8.363.551.825)	(10.301.967.416)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		(8.216.463.878)	3.546.037.903
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		(147.087.947)	709.207.581
Chi phí thuế TNDN	100		-	709.207.581
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	709.207.581
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán sau thuế TNDN	200		(8.363.551.825)	(7.465.137.094)
Thu nhập thuần trên cổ phiếu phổ thông	500		(498)	(444)
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501	31	(498)	(444)
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		(498)	(444)

Nguyễn Thị Thái Hà
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		(8.363.551.825)	(6.755.929.513)
Điều chỉnh cho các khoản:	02		372.639.224	366.057.666
- Khấu hao TSCĐ	03		379.925.545	369.071.036
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(7.286.321)	(3.013.370)
Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		147.087.947	1.625.642.666
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	11		147.087.947	1.625.642.666
Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		-	(5.171.680.569)
- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	19		-	(5.171.680.569)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		(23.524.487.168)	12.669.208.860
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		(25.000.000.000)	13.316.310.024
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(1.453.724.843)	1.931.876.464
(-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các TSTC	36		(589.494)	48.866.954
(-) Tăng, (+) giảm các phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		2.687.814.817	845.569.364
(+) Tăng, (-) giảm các khoản phải thu khác	39		36.640.700	-
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(65.889.160)	-
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(156.528.752)	(113.908.469)
(-) Thuế TNDN đã nộp	43		-	(2.641.136.294)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		58.093.806	(149.732.336)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		275.389.073	(198.801.324)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		82.598.685	(242.082.559)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		11.708.000	27.321.461
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		-	(155.074.425)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(31.368.311.822)	2.733.299.110
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61		-	(123.150.000)
Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		7.286.321	3.013.370
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		7.286.321	(120.136.630)
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		(31.361.025.501)	2.613.162.480
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101		135.261.295.484	129.679.616.196
- Tiền	101.1		2.261.295.484	1.679.616.196
- Các khoản tương đương tiền	101.2		133.000.000.000	128.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	103	5	103.900.269.983	132.292.778.676
- Tiền	103.1		26.900.269.983	82.292.778.676
- Các khoản tương đương tiền	103.2		77.000.000.000	50.000.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		415.391.783.078	486.047.763.972
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(515.579.453.593)	(388.570.872.786)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		317.679.310.015	179.109.372.462
Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(220.612.336.661)	(270.297.002.636)
Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(21.280.535)	(33.903.674)
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		434.429.556	533.937.050
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		15.960	-
<i>Tặng/giảm tiền thuần trong kỳ</i>	20		<i>(2.707.532.180)</i>	<i>6.789.294.388</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		21.523.986.925	29.234.604.976
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		21.523.986.925	29.234.604.976
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kì hạn	32		21.523.986.925	29.234.604.976
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	40		18.816.454.745	36.023.899.364
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		18.816.454.745	36.023.899.364
- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý trong đó có kỳ hạn	42		16.753.640.472	31.435.400.373
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		2.062.798.313	4.588.213.991
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45		15.960	285.000

Nguyễn Thị Thái Hà
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
Tầng 11, Tòa nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ					
	Tại 01/01/2023		Kỳ trước		Kỳ này		Tại 30/06/2023		Tại 30/06/2024	
	VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	VND	VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	168.000.000.000	168.000.000.000	-	-	-	-	168.000.000.000	168.000.000.000	168.000.000.000	168.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	168.000.000.000	168.000.000.000	-	-	-	-	168.000.000.000	168.000.000.000	168.000.000.000	168.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	25.194.967.103	12.530.128.555	4.306.217.586	11.771.354.680	-	8.363.551.825	17.729.830.009	4.166.576.730	4.166.576.730	4.166.576.730
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	29.578.343.918	12.530.128.555	-	11.011.174.997	-	8.216.463.878	18.567.168.921	4.313.664.677	4.313.664.677	4.313.664.677
- Lợi nhuận chưa thực hiện	(4.383.376.815)	-	4.306.217.586	760.179.683	-	147.087.947	(837.338.912)	(147.087.947)	(147.087.947)	(147.087.947)
Cộng	193.194.967.103	180.530.128.555	4.306.217.586	11.771.354.680	8.363.551.825	185.729.830.009	172.166.576.730	172.166.576.730	172.166.576.730	172.166.576.730

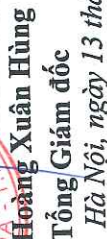


Nguyễn Thị Thái Hà
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Minh
Kế toán trưởng




Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 96/UBCK-GP ngày 21 tháng 08 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh cấp bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gần nhất số 0102973463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04/01/2023. Vốn điều lệ của Công ty là 168.000.000.000 VND. (Một trăm sáu mươi tám tỷ đồng chẵn).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 28 người (tại ngày 01/01/2024 là 29 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 11, Tòa nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Công ty có đơn vị trực thuộc có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc là Công ty cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh, địa chỉ tại Tầng 20, Tòa nhà TNR, 180-192, Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ-UBCK ngày 27/11/2018.

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động chính

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành:

1. Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
2. Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
4. Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH (TIẾP)

- d) Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- e) Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- g) Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL được ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) phù hợp với Chuẩn mực kế toán. Chế độ Kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024.

Đơn vị tiền tệ

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam "VND" và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán được ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính."

HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung trên máy tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong số các điều kiện sau:

(i) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu do mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

(ii) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp)

- Việc phân loại vào các tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK mua vào: Cơ sở ghi nhận tăng/giảm số lượng và giá trị chứng khoán FVTPL mua trong Danh mục tài sản tài chính của CTCK được tính tại ngày T+0.

Cuối kỳ kế toán phải đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL thuộc Danh mục tài sản tài chính của CTCK theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

- Đối với các tài sản tài chính FVTPL niêm yết/đăng ký giao dịch, giá thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất.
- Đối với các tài sản tài chính FVTPL không niêm yết/đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán hoặc các tài sản bị hủy niêm yết/đình chỉ giao dịch, Công ty không thu thập được giá thị trường, Công ty đang ghi nhận giá trị các tài sản trên theo giá sổ sách theo Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư. Trường hợp không thu thập được Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư thì Công ty tạm thời dự phòng 100% giá trị trên nguyên tắc thận trọng.

Giá xuất của các tài sản tài chính này ghi nhận thông qua lãi/lỗ xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả thu nhập;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính HTM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường chứng khoán, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động;
- Các khoản được Công ty phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được thực hiện bao gồm hợp đồng giao dịch ký quỹ và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Kết thúc kỳ kế toán, Công ty phải đánh giá dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp đảm bảo đối với khoản cho vay của CTCK theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Các khoản phải thu và dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Tất cả các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty phát sinh trong năm đều được theo dõi tại chi tiêu "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn trong tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính (theo năm), cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Máy móc, thiết bị

02 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 đến 08 năm.

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Là số tiền Công ty nộp cho Trung tâm Lưu ký chứng khoán với khoản đóng góp cố định ban đầu là 120 triệu đồng và khoản đóng hàng năm được xác định bằng 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các SGD Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền phải trả các tổ chức cung cấp các dịch vụ mua bán các tài sản tài chính của Công ty hoặc của khách hàng qua Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty với tư cách là thành viên; hoặc với các đại lý tham gia phát hành chứng khoán cho tổ chức phát hành chứng khoán liên quan đến nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán của Công ty.

Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- *Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;*
- *Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;*
- *Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;*
- *Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.*

Trong đó:

• **Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà Công ty được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ:**

Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các khoản chênh lệch giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra; Khoản thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu, tiền lãi phát sinh các khoản tiền gửi cố định thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL; Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu (tiếp)

• **Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):**

Tiền lãi phát sinh từ danh mục tài sản tài chính HTM mà Công ty được nhận (lãi trái phiếu, lãi tiền gửi có kỳ hạn).

• **Lãi từ các khoản cho vay và phải thu:**

Lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của pháp luật.

• **Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính:**

Là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật. Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán:**

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư của Công ty được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động là khoản phí lưu ký chứng khoán thu được của nhà đầu tư có chứng khoán gửi lưu ký chứng khoán được xác định vào cuối mỗi tháng và phí quản lý sổ cổ đông.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Bao gồm các chi phí lương, vật tư văn phòng, thuế phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác phục vụ cho hoạt động quản lý của Công ty.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan trong kỳ được Công ty trình bày tại thuyết minh số 33.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	48.526.000	192.397.000
Tiền gửi ngân hàng	26.851.743.983	2.068.898.484
Các khoản tương đương tiền	77.000.000.000	133.000.000.000
Tương đương tiền (*)	77.000.000.000	133.000.000.000
Cộng	103.900.269.983	135.261.295.484

(*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 01/2024/HĐTG/VCBHN-CKKTVN ngày 28/06/2024 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị là 77 tỷ đồng, lãi suất 1,5%/năm, thời hạn 01 tháng, trả lãi cuối kỳ. Khoản tiền gửi có kỳ hạn này được tắt toán trước hạn và rút ra nhập quỹ tiền mặt vào ngày 01/7/2024.

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
	CP	VND
Của Công ty chứng khoán	2.418.977	25.000.000.000
- Chứng khoán khác	2.418.977	25.000.000.000
Của nhà đầu tư	20.749.392	445.599.810.670
- Cổ phiếu	18.475.192	444.185.674.670
- Chứng khoán khác	2.274.200	1.414.136.000
Cộng	23.168.369	470.599.810.670

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
Tầng 11, Tòa nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Giá trị tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Chỉ tiêu	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản FVTPL	25.000.000.000	24.852.912.053	-	-
+ Chứng chỉ quỹ GFMVIF	25.000.000.000	24.852.912.053	-	-
Cộng				

Giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Chỉ tiêu	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	18.200.000.000	18.200.000.000	18.200.000.000	18.200.000.000
+ Công ty Cổ phần đầu tư quốc tế Galaxy Việt Nam (1)	14.200.000.000	14.200.000.000	14.200.000.000	14.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Công nghệ Noah (2)	32.400.000.000	32.400.000.000	32.400.000.000	32.400.000.000
Cộng				

(1) Công ty nắm giữ 1.820.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng 10,96% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Galaxy Việt Nam. Cho mục đích đầu tư ban đầu, Cổ phiếu này được Công ty phân loại là tài sản tài chính AFS.

(2) Công ty nắm giữ 1.420.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, tương ứng 9,59% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ Noah. Cho mục đích đầu tư ban đầu, Cổ phiếu này được Công ty phân loại là tài sản tài chính AFS.

Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường. Do không thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét của các đơn vị nhận đầu tư nêu trên nên Công ty xác định giá trị hợp lý của các tài sản này tương ứng với giá trị ghi sổ.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
Tầng 11, Tòa nhà TNR Tower, số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH GHI NHẬN THÔNG QUA LÃI/LỖ (FVTPL) (TIẾP)

Bảng tình hình biến động giá thị trường hoặc giá trị tài sản tài chính

Chi tiêu	Tại 30/06/2024				Tại 01/01/2024			
	Giá mua		Giá trị đánh giá lại		Giá mua		Giá trị đánh giá lại	
	VND	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	VND	Giá trị thị trường	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
Tài sản FVTPL	25.000.000.000	24.852.912.053	-	(147.087.947)	-	-	-	-
+ Chứng chỉ quỹ GFMVIF	25.000.000.000	24.852.912.053	-	(147.087.947)	-	-	-	-
Tài sản AFS	32.400.000.000	32.400.000.000	-	-	32.400.000.000	32.400.000.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	32.400.000.000	32.400.000.000	-	-	32.400.000.000	32.400.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Galaxy Việt Nam	18.200.000.000	18.200.000.000	-	-	18.200.000.000	18.200.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Công nghệ	14.200.000.000	14.200.000.000	-	-	14.200.000.000	14.200.000.000	-	-
Noah	3.500.612.691	3.500.612.691	-	-	3.500.612.691	2.046.887.848	-	-
Các khoản cho vay và phải thu	2.234.494.472	2.234.494.472	-	-	2.234.494.472	1.883.578.127	-	-
+ Cho vay hoạt động giao dịch	1.266.118.219	1.266.118.219	-	-	1.266.118.219	163.309.721	-	-
ký quỹ (Margin)	1.266.118.219	1.266.118.219	-	-	1.266.118.219	163.309.721	-	-
+ Cho vay hoạt động ứng trước	60.900.612.691	60.753.524.744	-	(147.087.947)	61.047.700.638	34.446.887.848	-	-
tiền bán								
Cộng								

8. CÁC KHOẢN CHO VAY

Chi tiêu	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
Các khoản cho vay và phải thu	2.234.494.472	2.234.494.472	1.883.578.127	1.883.578.127
+ Cho vay hoạt động giao dịch ký quỹ của nhà đầu tư (Margin)	1.266.118.219	1.266.118.219	163.309.721	163.309.721
+ Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán CK của nhà đầu tư	3.500.612.691	3.500.612.691	2.046.887.848	2.046.887.848
Cộng				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	18.254.127	17.664.633
- Dự thu tiền lãi nghiệp vụ cho vay ký quỹ	18.254.127	17.664.633
Trả trước cho người bán	33.800.000	85.800.000
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	-	52.000.000
- Công ty Cổ phần Thông tin thương mại Việt Nam	25.000.000	25.000.000
- Công ty TNHH Hợp Tiếp thị	8.800.000	8.800.000
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	-	2.687.814.817
- Công ty CP Truyền thông và Dịch vụ số Kiến Lừa Wang QI	-	2.687.814.817
Cộng	52.054.127	2.791.279.450

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.841.110.899	1.149.350.958
Chi phí thuê văn phòng	918.186.177	793.950.571
Chi phí thuê chỗ đặt máy chủ	369.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	553.924.722	355.400.387
Chi phí trả trước dài hạn	1.523.879.404	2.059.110.593
Chi phí thiết kế, sửa chữa văn phòng	1.414.405.347	1.884.944.937
Chi phí trả trước dài hạn khác	109.474.057	174.165.656
Cộng	3.364.990.303	3.208.461.551

11. CÀM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Dài hạn	1.053.525.400	1.029.525.400
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	24.000.000	-
Đặt cọc thẻ Taxi Mai Linh	9.859.000	9.859.000
Đặt cọc thuê, sửa chữa văn phòng và đặt cọc khác	1.019.666.400	1.019.666.400
Cộng	1.053.525.400	1.029.525.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2024	6.446.184.575	6.446.184.575
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Tại 30/06/2024	<u>6.446.184.575</u>	<u>6.446.184.575</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại 01/01/2024	4.904.892.234	4.904.892.234
Khấu hao trong kỳ	205.366.795	205.366.795
Tại 30/06/2024	<u>5.110.259.029</u>	<u>5.110.259.029</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	<u>1.541.292.341</u>	<u>1.541.292.341</u>
Tại 30/06/2024	<u>1.335.925.546</u>	<u>1.335.925.546</u>

Tại ngày 30/06/2024, tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.568.629.813 VND (tại ngày 01/01/2024 là 2.494.098.813 VND).

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2024	3.681.773.000	3.681.773.000
Mua trong kỳ	-	-
Tại 30/06/2024	<u>3.681.773.000</u>	<u>3.681.773.000</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại 01/01/2024	2.424.138.333	2.424.138.333
Khấu hao trong kỳ	174.558.750	174.558.750
Tại 30/06/2024	<u>2.598.697.083</u>	<u>2.598.697.083</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2024	<u>1.257.634.667</u>	<u>1.257.634.667</u>
Tại 30/06/2024	<u>1.083.075.917</u>	<u>1.083.075.917</u>

Tại ngày 30/06/2024, tổng nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.070.633.000 VND (tại ngày 01/01/2024 là 1.070.633.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.111.744.715	1.069.855.555
Tiền lãi phân bổ hàng năm	848.227.570	848.227.570
Cộng	2.079.972.285	2.038.083.125

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)	12.184.167	11.694.375
Phải trả phí giao dịch chứng khoán	54.437.156	21.477.738
Cộng	66.621.323	33.172.113

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tín Thành	70.000.000	70.000.000
Cộng	70.000.000	70.000.000

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả khác	363.500.000	351.792.000
Cộng	363.500.000	351.792.000

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2024		Tại 01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty CP Viễn thông Intercom Việt Nam	15.400.000	15.400.000	15.400.000	15.400.000
- Công ty CP Đầu tư và Quản lý Bất Động sản TN Property Management	30.572.338	30.572.338	3.522.642	3.522.642
- Công ty TNHH TM và Du lịch Global Wings Việt Nam	5.888.000	5.888.000	8.106.600	8.106.600
- Công ty CP HTC viễn thông quốc tế	14.520.000	14.520.000	14.520.000	14.520.000
- Công ty CP Phát triển Công nghệ Trường Phát	8.000.000	8.000.000	8.000.000	8.000.000
- Công ty CP Đầu tư Sun	-	-	11.016.000	11.016.000
- Các đối tượng khác	25.187.383	25.187.383	14.357.883	14.357.883
	99.567.721	99.567.721	74.923.125	74.923.125

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2024		Số đã thực nộp trong kỳ VND		Số đã thực nộp trong kỳ VND		Tại 30/06/2024	
	VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập cá nhân	98.959.040	617.490.085	342.101.012	342.101.012	374.348.113			
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	4.000.000	-			
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	68.651	68.651	68.651	-			
Cộng	98.959.040	621.558.736	346.169.663	346.169.663	374.348.113			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng biến động vốn Chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2023	168.000.000.000	25.194.967.103	193.194.967.103
- Lỗ trong năm	-	(12.664.838.548)	(12.664.838.548)
31/12/2023	168.000.000.000	12.530.128.555	180.530.128.555
01/01/2024	168.000.000.000	12.530.128.555	180.530.128.555
- Lỗ trong kỳ	-	(8.363.551.825)	(8.363.551.825)
30/06/2024	168.000.000.000	4.166.576.730	172.166.576.730

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối, cổ tức, lợi nhuận

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	168.000.000.000	168.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	168.000.000.000	168.000.000.000

Tình hình phát hành cổ phiếu

	Tại 30/06/2024	Tại 01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.800.000	16.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.800.000	16.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.800.000	16.800.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.800.000	16.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.800.000	16.800.000
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***21. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA CTCK**

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	24.189.773.600	-
Cộng	24.189.773.600	-

22. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CTCK

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính chưa niêm yết/ đăng ký giao dịch mà tổ chức phát hành đã đăng ký chứng khoán tại VSD nhưng CTCK chưa lưu ký tại VSD	32.400.000.000	32.400.000.000
Cộng	32.400.000.000	32.400.000.000

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TẠI VSD CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	427.823.010.000	391.153.640.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	5.456.610.000	2.471.250.000
Cộng	433.279.620.000	393.624.890.000

24. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	67.882.600.000	67.882.600.000
Cộng	67.882.600.000	67.882.600.000

25. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	18.816.454.745	21.523.986.925
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước	17.796.625.392	20.135.252.817
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	1.019.829.353	1.388.734.108
Cộng	18.816.454.745	21.523.986.925

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

26. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ VỀ TIỀN GỬI GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THEO PHƯƠNG THỨC CTCK QUẢN LÝ

	Tại 30/06/2024 VND	Tại 01/01/2024 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	18.816.438.785	21.523.986.925
- Nhà đầu tư trong nước	17.796.609.432	21.523.986.925
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài	1.019.829.353	-
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	15.960	-
Cộng	18.816.454.745	21.523.986.925

27. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ FVTPL, CÁC KHOẢN CHO VAY, HTM, AFS

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL (cổ tức cổ phiếu)	-	164.800
Từ tài sản tài chính HTM (lãi phân bổ)	5.428.767	(26.109.589)
Từ các khoản cho vay (lãi cho vay)	181.448.778	404.282.785
Cộng	186.877.545	378.337.996

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.206.563.877	2.284.939.112
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	84.686.176	91.366.846
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	122.400.000	122.400.000
Cộng	2.413.650.053	2.498.705.958

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.857.554	3.013.370
Cộng	1.857.554	3.013.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***30. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	2.523.743.761	2.886.766.861
Chi phí vật tư văn phòng	1.917.008	8.590.511
Chi phí công cụ, dụng cụ	30.316.866	26.733.551
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	228.066.793	220.080.834
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	3.081.796.971	3.330.635.545
Chi phí bằng tiền khác	458.130.533	446.286.885
Cộng	6.329.971.932	6.923.094.187

31. LỖ SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(8.363.551.825)	(7.465.137.094)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	16.800.000	16.800.000
Lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	(498)	(444)

32. THÔNG TIN BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty đã thực hiện theo dõi doanh thu và chi phí theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh chính. Tuy nhiên, các khoản chi phí khác trong kỳ không tách riêng được, do đó, Công ty không trình bày thông tin báo cáo theo bộ phận và cho rằng việc không trình bày nội dung này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

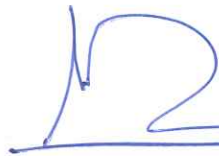
Chức danh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
	đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
	VND	VND
Ông Wang Wei Ya	634.032.562	665.487.595
	65.500.000	82.500.000
Ông Hoàng Xuân Hùng	268.532.562	282.987.595
Ông Đỗ Bảo Ngọc	300.000.000	300.000.000
Cộng	634.032.562	665.487.595

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 của Công ty đã được soát xét.



Nguyễn Thị Thái Hà
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Minh
Kế toán trưởng



Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2024